

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 – GIA LAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST  
Ngày 25 – 7 – 2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hậu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Thành Nghĩa
- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Hồng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hồng Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Bá D, sinh ngày 20/12/1977 tại tỉnh Bình Định (sau sáp nhập là tỉnh Gia Lai); nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (sau sáp nhập là thôn C, xã P, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1950 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1952; Anh chị em: Có 08 người; vợ: Hoàng Thị Xuân P, sinh năm 1979; con: Có 02 người con sinh năm 2000 và 2004; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt theo Quyết định truy nã vào ngày 05/4/2025 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; địa chỉ sau sáp nhập: Thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phan Hoàng T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; địa chỉ sau sáp nhập: Thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Ông Trần Ngọc L1, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn A, xã M, huyện P, tỉnh

Bình Định; địa chỉ sau sáp nhập: Thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 15/02/2020, Nguyễn Bá D, sinh năm 1977 đến nhà ông Nguyễn Văn P1 chơi. Tại đây, D nói với ông P1 cho D mượn xe mô tô để đi về nhà ở thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (sau sáp nhập là thôn C, xã P, tỉnh Gia Lai) đến chiều tối cùng ngày sẽ trả lại thì ông P1 đồng ý và cho D mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đen – đỏ, biển kiểm soát 77G1-620.37 để đi về nhà. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 đi đến nhà vợ của Trần Ngọc L1 – sinh năm 1985 ở thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (sau sáp nhập: Thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai) chơi thì L1 rủ D đi ra quán nhậu gần nhà vợ của L1 nhậu. Khi nhậu gần xong, do không có tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 mượn của ông P1 đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Lúc này, D hỏi L1 “có biết chỗ nào thế chấp xe không” thì L1 hỏi “xe của ai mà thế chấp”, D nói “xe mượn của ông anh ngoài xã hội”. L1 nói “thế chấp chiếc xe vậy rồi về không có xe trả cho chủ xe thì sao” thì D trả lời “chỉ thế hai, bà ngày rồi về lấy nên không sao đâu”. Nghe vậy, L1 đồng ý và dẫn D đến tiệm cầm đồ “Hoàng Tâm” của ông Phan Hoàng T1 – sinh năm 1982 ở thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (sau sáp nhập: Thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai) để D cầm cố xe. Khi đến nơi, D vào hỏi ông T1 thế chấp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 thì ông T1 hỏi D là xe của ai. D nói xe của D. Ông T1 nói D đưa giấy đăng ký xe và chứng minh nhân dân để kiểm tra thì D đến mở cốp xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 lấy giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn P1 ra đưa cho ông T1, còn chứng minh nhân dân thì D nói không mang theo. Lúc này, ông T1 mới quay sang hỏi L1 là “bạn em hả”, L1 nói đúng thì ông T1 nói L1 cho D mượn chứng minh nhân dân của L1 để thế chấp xe cũng được. Nghe vậy, D mới nói L1 cho D mượn chứng minh nhân dân thì L1 đồng ý và đi về nhà lấy chứng minh nhân dân đem qua đưa cho ông T1. Lúc này, ông T1 đồng ý cho D thế chấp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 lấy số tiền 12.000.000 đồng. Sau khi lấy tiền, D mở cốp xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 lấy cái ví da của ông P1 ra, rồi giao xe cho ông T1. Sau đó, D nhờ L1 gọi xe ôm chở D lên Quốc lộ A để đón xe khách đi vào Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi lên xe khách, D đưa cho L1 một bì thư bên trong có 01 ví da của ông P1 và giấy cầm đồ mà ông T1 ghi đưa cho D. D nhờ L1 gửi xe khách bì thư này đến địa chỉ của ông P1. Sau khi phát hiện sự việc, ông P1 báo cáo với Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Bá D khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Theo Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐ ngày 20/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận thì xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Lead, màu: đen – đỏ, số máy JF79E0560451, số khung: 7913HZ206914,

biển kiểm soát 77G1-620.37 đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 39.600.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn P1.

Về phần dân sự: Ông Nguyễn Văn P1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ông Phan Hoàng T1 yêu cầu Nguyễn Bá D bồi thường số tiền 12.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 49/CT-VKS-TP ngày 10/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (sau sáp nhập là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai) đã truy tố bị cáo Nguyễn Bá D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Bá D đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu trên nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Bá D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá D từ 12 đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án gia đình bị cáo D đã bồi thường cho ông T1 12.000.000 đồng. Ông T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Phan Hoàng T1, Trần Ngọc L1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét thấy, trong quá trình điều tra, ông T1 và ông L1 đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ và đồng thời không ai có ý kiến về việc vắng mặt của họ. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B (sau sáp nhập là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước (sau sáp nhập là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai) và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và

tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với vật chứng vụ án được thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thu thập được nên có đầy đủ căn cứ xác định: Nguyễn Bá D là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên phải biết tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh nhưng do tham lam, xem thường pháp luật nên vào ngày 15/02/2020 sau khi đến nhà ông Nguyễn Văn P1 tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai) chơi, được ông P1 tin tưởng cho mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đen – đỏ, biển kiểm soát 77G1-620.37 để đi về nhà, sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã thế chấp chiếc xe này cho ông Phan Hoàng T1 lấy 12.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đen – đỏ, biển kiểm soát 77G1-620.37 trị giá 39.600.000 đồng. Do đó, Cáo trạng số 49/CT-VKS-TP ngày 10/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước (sau sáp nhập là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai) truy tố bị cáo Nguyễn Bá D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với tình tiết “Mượn tài sản của người khác rồi bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng do lỗi cố ý nên cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng; giảm nhẹ của bị cáo thì thấy:

[5.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, trước đây chưa vi phạm gì.

[5.2] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 12.000.000 đồng cho ông Phan Hoàng T1. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 của ông Nguyễn Văn P1, xe đã được thu hồi trả lại cho bị hại, ông P1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

Ông Phan Hoàng T1 đã nhận cầm cố xe với số tiền 12.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông T1. Ông T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn P1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Bá D phải chịu 200.000 đồng.

[9] Đối với các vấn đề khác:

[9.1] Trần Ngọc L1 biết rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đen – đỏ, biển kiểm soát 77G1-620.37 không phải xe của Nguyễn Bá D nhưng vẫn đưa D đến tiệm cầm đồ “Hoàng Tâm” và cho D mượn giấy chứng minh nhân dân của mình để D thế chấp chiếc xe nói trên. Hành vi của Trần Ngọc L1 là đồng phạm với Nguyễn Bá D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại thời điểm khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, truy nã đối với Nguyễn Bá D vào ngày 20/8/2020, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với D, chưa có đủ tài liệu, chứng cứ để khởi tố bị can đối với Trần Ngọc L1. Đến ngày 05/4/2025, Cơ quan điều tra bắt được Nguyễn Bá D theo Quyết định truy nã, làm rõ nội dung vụ án thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Ngọc L1 đã hết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (sau sáp nhập là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G) áp dụng nguyên tắc có lợi, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Ngọc L1 là có căn cứ, đúng quy định.

[9.2] Đối với ông Phan Hoàng T1 có hành vi nhận thế chấp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đen – đỏ, biển kiểm soát 77G1-620.37 từ Nguyễn Bá D nhưng khi nhận thế chấp ông T1 không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77G1-620.37 là do Duy mượn của ông Nguyễn Văn P1 đem đến cầm cố cho mình nên không phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (sau sáp nhập là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G) không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phan Hoàng T1 là có căn cứ, đúng quy định.

[10] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX thấy rằng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tội danh, trách nhiệm dân sự và đề nghị mức hình phạt xử phạt đối với bị cáo trong khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá D 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2025.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Bá D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD,KT,TTr &THA-TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 2 – Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai -Phân trại tạm giam khu vực Tuy Phước;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 2;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Minh Hậu**